Ký bởi: Ủy ban nhân dân Huyện Ba Tơ
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 28/03/2025 15:28:39

Phụ lục 01

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DỰ ÁN: ĐƯỜNG THỊ TRẤN BA TƠ ĐI NƯỚC ĐANG

(Kèm theo Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị đơn vị đề nghị quyết toán	Giá trị thẩm tra quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị trình duyệt
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=5-3*	*7=5-4*
	Tổng số	**6,580,181,523**	**6,580,180,000**	**6,580,180,000**	**-1,523**	**0**
1	Kinh phí bồi thường trực tiếp	6,529,700,523	6,529,699,000	6,529,699,000	-1,523	0
2	Chi phí phục vụ bồi thường	50,481,000	50,481,000	50,481,000	0	0
2.1	Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	17,231,000	17,231,000	17,231,000	0	0
2.2	UBND huyện	3,750,000	3,750,000	3,750,000	0	0
2.3	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện *(nay là Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện)*	9,250,000	9,250,000	9,250,000	0	0
2.4	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Ba Tơ	1,875,000	1,875,000	1,875,000	0	0
2.5	UBND thị trấn Ba Tơ	2,125,000	2,125,000	2,125,000	0	0
2.6	UBND xã Ba Bích	16,250,000	16,250,000	16,250,000	0	0

Phụ lục 02

BẢNG CHI TIẾT CHI TRẢ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DỰ ÁN: ĐƯỜNG THỊ TRẤN BA TƠ ĐI NƯỚC ĐANG

(Kèm theo Quyết định số 478 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	Nội dung	Dự toán được duyệt					Giá trị đơn vị đề nghị quyết toán					Giá trị quyết toán					Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với đơn vị trình duyệt
		Cộng	Thị trấn Ba Tơ (đợt 1)	Xã Ba Bích (đợt 1)	Thị trấn Ba Tơ (đợt 2)	Xã Ba Bích (đợt 2)	Cộng	Thị trấn Ba Tơ (đợt 1)	Xã Ba Bích (đợt 1)	Thị trấn Ba Tơ (đợt 2)	Xã Ba Bích (đợt 2)	Cộng	Thị trấn Ba Tơ (đợt 1)	Xã Ba Bích (đợt 1)	Thị trấn Ba Tơ (đợt 2)	Xã Ba Bích (đợt 2)		
1	*2*	*3=4+5+6+7*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8=9+10+11+12*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13=14+15+16+17*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18=13-3*	*19=13-8*
	Tổng số	**6,580,181,523**	**604,090,521**	**4,639,465,094**	**101,294,157**	**1,235,331,751**	**6,580,180,000**	**604,090,000**	**4,639,465,000**	**101,294,000**	**1,235,331,000**	**6,580,180,000**	**604,090,000**	**4,639,465,000**	**101,294,000**	**1,235,331,000**	**-1,523**	**0**
1	Kinh phí bồi thường trực tiếp	6,529,700,523	599,165,521	4,601,834,094	100,119,157	1,228,581,751	6,529,699,000	599,165,000	4,601,834,000	100,119,000	1,228,581,000	6,529,699,000	599,165,000	4,601,834,000	100,119,000	1,228,581,000	-1,523	0
2	Chi phí phục vụ bồi thường	50,481,000	4,925,000	37,631,000	1,175,000	6,750,000	50,481,000	4,925,000	37,631,000	1,175,000	6,750,000	50,481,000	4,925,000	37,631,000	1,175,000	6,750,000	0	0
2.1	Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	17,231,000	1,550,000	13,131,000	300,000	2,250,000	17,231,000	1,550,000	13,131,000	300,000	2,250,000	17,231,000	1,550,000	13,131,000	300,000	2,250,000	0	0
2.2	UBND huyện	3,750,000	375,000	2,750,000	125,000	500,000	3,750,000	375,000	2,750,000	125,000	500,000	3,750,000	375,000	2,750,000	125,000	500,000	0	0
2.3	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện *(nay là Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện)*	9,250,000	1,000,000	6,750,000	250,000	1,250,000	9,250,000	1,000,000	6,750,000	250,000	1,250,000	9,250,000	1,000,000	6,750,000	250,000	1,250,000	0	0
2.4	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Ba Tơ	1,875,000	250,000	1,250,000	125,000	250,000	1,875,000	250,000	1,250,000	125,000	250,000	1,875,000	250,000	1,250,000	125,000	250,000	0	0
2.5	UBND thị trấn Ba Tơ	2,125,000	1,750,000		375,000		2,125,000	1,750,000		375,000		2,125,000	1,750,000		375,000		0	0
2.6	UBND xã Ba Bích	16,250,000		13,750,000		2,500,000	16,250,000		13,750,000		2,500,000	16,250,000		13,750,000		2,500,000	0	0

Phụ lục 03

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DỰ ÁN: ĐƯỜNG THỊ TRẤN BA TƠ ĐI NƯỚC ĐANG

(Kèm theo Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị đơn vị đề nghị quyết toán			Giá trị thẩm tra quyết toán			Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với đơn vị trình duyệt
			Tổng cộng	Số đã thanh toán	Số còn phải trả	Tổng cộng	Số đã thanh toán	Số còn phải trả		
1	*2*	*3*	*4=5+6*	*5*	*6*	*7=8+9*	*8*	*9*	*10=7-3*	*11=7-4*
	Tổng số	**6,580,181,523**	**6,580,180,000**	**6,580,180,000**	**0**	**6,580,180,000**	**6,580,180,000**	**0**	**-1,523**	**0**
1	Kinh phí bồi thường trực tiếp	6,529,700,523	6,529,699,000	6,529,699,000	0	6,529,699,000	6,529,699,000	0	-1,523	0
2	Chi phí phục vụ bồi thường	50,481,000	50,481,000	50,481,000	0	50,481,000	50,481,000	0	0	0
2.1	Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	17,231,000	17,231,000	17,231,000	0	17,231,000	17,231,000	0	0	0
2.2	UBND huyện	3,750,000	3,750,000	3,750,000	0	3,750,000	3,750,000	0	0	0
2.3	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện *(nay là Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện)*	9,250,000	9,250,000	9,250,000	0	9,250,000	9,250,000	0	0	0
2.4	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Ba Tơ	1,875,000	1,875,000	1,875,000	0	1,875,000	1,875,000	0	0	0
2.5	UBND thị trấn Ba Tơ	2,125,000	2,125,000	2,125,000	0	2,125,000	2,125,000	0	0	0
2.6	UBND xã Ba Bích	16,250,000	16,250,000	16,250,000	0	16,250,000	16,250,000	0	0	0

Phụ lục 04

BẢNG CHI TIẾT CÔNG TRÌNH, KẾ HOẠCH CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DỰ ÁN: ĐƯỜNG THỊ TRẤN BA TƠ ĐI NƯỚC ĐANG

(Kèm theo Quyết định số 478 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị đơn vị đề nghị quyết toán							Giá trị quyết toán							Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với đơn vị trình duyệt
			Tổng cộng	Số đã thanh toán					Số còn phải trả	Tổng cộng	Số đã thanh toán					Số còn phải trả		
				Cộng	Thị trấn Ba Tơ (đợt 1)	Xã Ba Bích (đợt 1)	Thị trấn Ba Tơ (đợt 2)	Xã Ba Bích (đợt 2)			Cộng	Thị trấn Ba Tơ (đợt 1)	Xã Ba Bích (đợt 1)	Thị trấn Ba Tơ (đợt 2)	Xã Ba Bích (đợt 2)			
1	*2*	*3*	*4=5+10*	*5=6+7+8+9*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11=12+17*	*12=13+14+15+16*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18=11-3*	*19=11-4*
	Tổng số	**6,580,181,523**	**6,580,180,000**	**6,580,180,000**	**604,090,000**	**4,639,465,000**	**101,294,000**	**1,235,331,000**	**0**	**6,580,180,000**	**6,580,180,000**	**604,090,000**	**4,639,465,000**	**101,294,000**	**1,235,331,000**	**0**	**-1,523**	**0**
1	Kinh phí bồi thường trực tiếp	6,529,700,523	6,529,699,000	6,529,699,000	599,165,000	4,601,834,000	100,119,000	1,228,581,000	0	6,529,699,000	6,529,699,000	599,165,000	4,601,834,000	100,119,000	1,228,581,000	0	-1,523	0
2	Chi phí phục vụ bồi thường	50,481,000	50,481,000	50,481,000	4,925,000	37,631,000	1,175,000	6,750,000	0	50,481,000	50,481,000	4,925,000	37,631,000	1,175,000	6,750,000	0	0	0
2.1	Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	17,231,000	17,231,000	17,231,000	1,550,000	13,131,000	300,000	2,250,000	0	17,231,000	17,231,000	1,550,000	13,131,000	300,000	2,250,000	0	0	0
2.2	UBND huyện	3,750,000	3,750,000	3,750,000	375,000	2,750,000	125,000	500,000	0	3,750,000	3,750,000	375,000	2,750,000	125,000	500,000	0	0	0
2.3	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện *(nay là Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện)*	9,250,000	9,250,000	9,250,000	1,000,000	6,750,000	250,000	1,250,000	0	9,250,000	9,250,000	1,000,000	6,750,000	250,000	1,250,000	0	0	0
2.4	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Ba Tơ	1,875,000	1,875,000	1,875,000	250,000	1,250,000	125,000	250,000	0	1,875,000	1,875,000	250,000	1,250,000	125,000	250,000	0	0	0
2.5	UBND thị trấn Ba Tơ	2,125,000	2,125,000	2,125,000	1,750,000		375,000		0	2,125,000	2,125,000	1,750,000		375,000		0	0	0
2.6	UBND xã Ba Bích	16,250,000	16,250,000	16,250,000		13,750,000		2,500,000	0	16,250,000	16,250,000		13,750,000		2,500,000	0	0	0